

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY AN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 18/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Điều và bà Phạm Thị Thùy Lê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Công Đồ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018 đối với:

*** Bị cáo:**

Nguyễn Văn P – sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: làm biển. Trình độ văn hóa: 3/12. Con ông: Nguyễn Đoàn T – sinh năm 1934 (chết) và bà: Nguyễn Thị X – sinh năm 1926. Vợ: Trần Thị Mỹ H – sinh năm 1983. Có 02 con: lớn sinh năm 2005 và nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*** Bị hại:** Chị **Nguyễn Thị G** – sinh năm 1973; Trú tại: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị **Nguyễn Thị N** – sinh năm 1964; Trú tại: thôn N, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị Hồng L** – sinh năm 1988; Trú tại: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Chị **Đặng Thị H** – sinh năm 1965; Trú tại: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1968; Trú tại: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Vợ chồng anh **Trần Quốc N** – sinh năm 1985, Trú tại: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

- Chị **Đặng Thị L** – sinh năm 1989; Trú tại: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Chị **Trần Thị Mỹ H** – sinh năm 1983; Trú tại: thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 25/4/2018, Nguyễn Văn P – sinh năm 1985, trú tại thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, sau khi nhậu xong, mang rác đi đổ. Trên đường về, P đi ngang qua nhà chị Nguyễn Thị G – sinh năm 1973 trú cùng thôn. Thấy chị G đi vắng, không có ai ở nhà, cửa không khóa nên P lén lút mở cửa rồi vào nhà chị G. Vào bên trong phòng ngủ của chị G, P lấy trộm 01 cọc tiền trị giá 103.300.000đ đựng trong túi ni lông đặt phía dưới nền nhà trong phòng ngủ. Sau đó P mang về nhà cất giấu.

Lo sợ bị phát hiện nên khoảng 21 giờ ngày 01/5/2018, P mang toàn bộ số tiền trộm cắp đến đặt trước cửa nhà chị G rồi đi về. Sau đó, chị G nhặt lại số tiền 103.300.000đ và báo cáo chính quyền địa phương.

Vật chứng vụ án 103.300.000đ đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị G

Bản cáo trạng số: 15/CT-VKS ngày 27/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu, tiền trộm cắp bị cáo đã trả lại cho chị G. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, cho bị cáo được ở nhà.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng số 15/VKS-HS ngày 27/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục, Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Về dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xét.

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ nêu trên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với sơ đồ và biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 45 phút ngày 25/4/2018, tại nhà của chị Nguyễn Thị G ở thôn N, xã C, huyện A, tỉnh Phú Yên, Nguyễn Văn P đã có hành vi lén lút vào phòng ngủ chị G trộm cắp số tiền 103.300.000đ.

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác, làm mất trật tự an toàn xã hội. Cáo trạng số 15/VKS-HS ngày 27/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như là có căn cứ, đúng tội.

Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn phạm tội là thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Với hành vi của bị cáo như vậy nên bị cáo phải nhận mức án tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, đã trả lại tài sản cho bị hại, bị cáo là lao động chính trong nhà, nuôi mẹ già và con nhỏ, bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được cải tạo tại địa phương nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo xử bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước mà yên tâm lao động cải tạo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng vụ án: bị hại đã nhận lại số tiền 103.300.000đ nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo **01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo**, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện A giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh (1)
- VKSND huyện A (2)
- Phòng CSĐT CA huyện A (1)
- Sở Tư pháp (1)
- Bị cáo (1)
- Bị hại (1)
- Người có QLNVLQ (6)
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Xuân Hương